

Tác động của tín dụng vi mô chính thức đến thu nhập bình quân hộ nghèo và cận nghèo ở Việt Nam

NGÔ QUỐC DŨNG*
NGUYỄN QUỲNH HOA**

Tóm tắt

Tín dụng vi mô (TDVM) ngày càng được khẳng định là công cụ quan trọng trong công tác giảm nghèo. Với sự khởi xướng của giáo sư kinh tế Muhammad Yunus, đến nay, mô hình hoạt động của TDVM đang được nhân rộng trên toàn thế giới. Đối với các quốc gia đang phát triển, hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô trong đó hoạt động TDVM, ngày càng đóng vai trò chủ lực thực hiện các chính sách giảm nghèo, giúp người nghèo giải quyết các vấn đề khó khăn trong cuộc sống. Bằng phương pháp khác biệt trong khác biệt (DID), kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, TDVM chính thức góp phần làm gia tăng thu nhập cho hộ nghèo (HN) và hộ cận nghèo (HCN), qua đó, các chính sách hỗ trợ TDVM chính thức cho người nghèo là cần thiết.

Từ khóa: tín dụng vi mô, hộ nghèo, hộ cận nghèo, Việt Nam, chính thức

Summary

Microcredit is increasingly asserted as an important tool in poverty reduction. With the initiative of economics professor Muhammad Yunus, up to now, the model of microcredit is increasingly being replicated all over the world. In developing countries, the activities of microfinance organizations, including microcredit, play an important role in helping the poor solve difficult problems in lives. Employing the difference in difference (DID) method, the article shows that formal microcredit contributes to increasing income for poor and near-poor households. This means that policies on official microcredit to the poor are necessary.

Keywords: microcredit, poor households, near-poor households, Vietnam, official

GIỚI THIỆU

TDVM được coi là điểm sáng trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo và được đánh giá có vai trò hết sức quan trọng trong việc cung cấp các khoản vay nhỏ cho hộ nghèo [13; 8; 10]. Chính sách TDVM trong việc cung cấp các khoản vay nhỏ cho hộ nghèo là một trong những chính sách đòn bẩy kinh tế của Nhà nước, nhằm giúp các đối tượng nghèo có điều kiện tiếp cận vốn vay ưu đãi của Nhà nước, để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống [1]. Đặc biệt, người có thu nhập thấp tự thoát khỏi đói nghèo qua việc tăng được thu nhập của họ một cách bền vững [2].

Qua việc khảo lược các nghiên cứu có liên quan ở một địa phương hay tổng thể ở một quốc gia nào đó, nhóm tác giả thấy rằng: TDVM đã có tác động tích cực đến thu nhập của các hộ nghèo, như: kỳ hạn

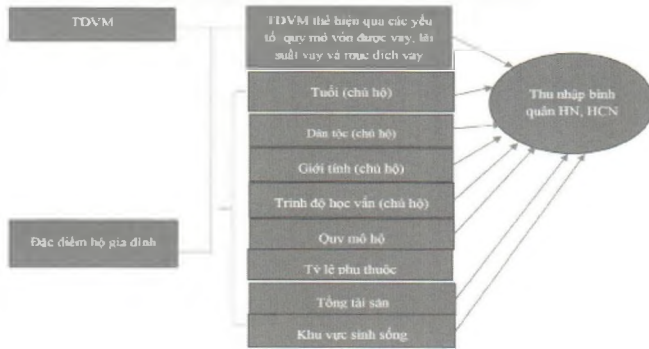
trả nợ dài, lãi suất ngân hàng thấp [14], quy mô vốn vay lớn sẽ giúp hộ nghèo có thể mở rộng kế hoạch tạo sinh kế cho gia đình và mang lại nguồn thu nhập cao hơn [3; 5] và mục đích vay tốt sẽ tăng khả năng sinh lợi trên mỗi khoản đầu tư và tăng thu nhập cho gia đình [7]. Một số nghiên cứu không chỉ ra TDVM không tác động đến thu nhập hộ nghèo do TDVM khó đến được với người nghèo, bởi thủ tục rườm rà, các tổ chức TDVM ở xa so với địa bàn người nghèo sinh sống [4] hoặc tác động của TDVM là không đáng kể xét về mặt thống kê [11; 6; 12].

Về phương pháp, hầu hết các nghiên cứu đều sử dụng nghiên cứu định lượng với các phương pháp ước lượng, như: bình phương nhỏ nhất (OLS), khác biệt trong khác biệt (DID), phương pháp điểm xu hướng (PSM). Trong các mô hình ước lượng, thì đại diện cho TDVM được xác định thông qua biến: Quy mô vốn vay; Kỳ hạn trả nợ; Lãi suất vay; Mục đích vay. Biến đầu ra (biến phụ thuộc) được dùng để đánh giá tác động TDVM đến thu nhập, hoặc tình trạng nghèo. Bên cạnh đó, một số biến số khác cũng được các tác giả sử dụng trong mô hình phân tích, như: Đặc điểm của hộ gia đình; Năng lực sản

* TS., ** TS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 27/5/2022; Ngày phản biện: 20/6/2022; Ngày duyệt đăng: 10/7/2022

HÌNH: KHUNG NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

xuất; Hoạt động của hộ gia đình; Quy mô hộ; Tỷ lệ phụ thuộc; Tuổi; Giới tính; Trình độ học vấn...

Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu trên đều tập trung vào đánh giá tác động của TDVM nói chung, mà chưa xem xét đến tác động của TDVM chính thức. Ngoài ra, các nghiên cứu trên mới chỉ đánh giá tác động đến hộ nghèo, mà chưa xem xét tới hộ cận nghèo. Vì vậy, đây là khoảng trống để bài viết này hướng đến phân tích.

MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu nhập của hộ sẽ phụ thuộc vào khả năng tiếp cận TDVM chính thức của HN, HCN. Bên cạnh đó, thu nhập của mỗi hộ gia đình còn phụ thuộc vào đặc điểm của hộ, vì vậy để kiểm soát những yếu tố khác có tác động đến thu nhập hộ gia đình, từ đó có thể có kết luận tốt nhất về tác động của TDVM chính thức đến thu nhập hộ, khung nghiên cứu được thể hiện các yếu tố khác sẽ được xem xét trong phân tích như Hình.

Như vậy, để đánh giá tác động TDVM chính thức, nghiên cứu sẽ ước lượng các mô hình dưới đây.

Mô hình 1: Kiểm định sự khác biệt về thu nhập bình quân đầu người của HN, HCN giữa nhóm hộ vay TDVM và không vay TDVM chính thức:

$$\text{Logthu_nhap_bq}_{it} = \beta_0 + \beta_1 * \text{TDVM}_{it} + \beta_2 * \text{tuoi}_{it} + \beta_3 * \text{gioi_tinh}_{it} + \beta_4 * \text{dan_tộc}_{it} + \beta_5 * \text{trinh_do_hoc_van}_{it} + \beta_6 * \text{quy_mo_ho}_{it} + \beta_7 * \text{ty_le_phu_thuoc}_{it} + \beta_8 * \text{tong_tai_san}_{it} + \beta_9 * \text{khu_vuc}_{it} + e_{it}$$

Hệ số kiểm định được thể hiện ở hệ số β_1 , nếu hệ số này khác 0 có ý nghĩa thống kê, thì xác nhận có sự khác biệt về thu nhập giữa 2 nhóm HN, HCN có vay và không vay TDVM chính thức.

Tuy nhiên, ước lượng Mô hình 1 chưa cho phép chỉ ra được tác động, do chưa kiểm soát sự khác biệt về thu nhập của HN, HCN trước và sau khi vay TDVM chính thức cùng các biến số khác, do vậy nghiên cứu sẽ đánh giá bằng phương pháp DID để đánh giá tác động của TDVM chính thức đến thu nhập bình quân của HN, HCN.

Mô hình 2: Nghiên cứu xem xét đối với những hộ vay TDVM chính thức, thì quy mô khoản vay và lãi suất vay cũng như mục đích vay có tác động đến thu nhập bình quân đầu người của HN, HCN như thế nào.

$$\text{Logthu_nhap_bq}_{it} = \beta_0 + \beta_1 * \text{quy_mo_khoan_vay}_{it} + \beta_2 * \text{lai_suat_vay}_{it} + \beta_3 * \text{muc_dich_vay}_{it} + \beta_4 * \text{tuoi}_{it} +$$

$$\beta_5 * \text{gioi_tinh}_{it} + \beta_6 * \text{dan_tộc}_{it} + \beta_7 * \text{trinh_do_hoc_van}_{it} + \beta_8 * \text{quy_mo_ho}_{it} + \beta_9 * \text{ty_le_phu_thuoc}_{it} + \beta_{10} * \text{tong_tai_san}_{it} + \beta_{11} * \text{khu_vuc}_{it} + e_{it}$$

Để đánh giá tác động, nghiên cứu dùng phương pháp ước lượng khác biệt trong khác biệt (DID). Phương pháp này chia các đối tượng phân tích thành hai nhóm, một nhóm được áp dụng chính sách (nhóm tham gia), nhóm còn lại không được áp dụng chính sách (gọi là nhóm so sánh). Gọi D là biến giả phản ánh nhóm quan sát, D = 0 là hộ quan sát thuộc nhóm so sánh, D = 1: hộ quan sát thuộc nhóm tham gia. Gọi Y là đầu ra của chính sách (Thu nhập, Chi tiêu, Lợi nhuận). Với T = 0 là trước khi tham gia chính sách, T = 1 là sau khi tham gia chính sách. Trước khi áp dụng một chính sách hay chương trình mới, tiến hành thu thập thông tin về đầu ra (Y) của cả 2 nhóm và so sánh xem có sự khác nhau như thế nào. Khi chương trình kết thúc sau 1 thời gian áp dụng, nếu có sự khác biệt trong mức độ biến thiên trong đầu ra giữa hai nhóm này, thì đó chính là tác động của chính sách.

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ 2 cuộc điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) năm 2016 và 2018 với thông tin cơ bản về thu nhập, chi tiêu của hộ gia đình, đặc trưng nhân khẩu của hộ, dữ liệu năm 2020 không được sử dụng, bởi lý do dàn mẫu chủ của khảo sát mức sống (KSMS) 2020 được chọn từ dàn mẫu 40% của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, trong khi dàn mẫu chủ của KSMS từ 2019 trở về trước được chọn từ dàn mẫu 15% của Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009... Hai nhóm HN, HCN được lựa chọn phù hợp với giả định của phương pháp này. Trong đó, nhóm tham gia bao gồm những HN, HCN được điều tra trong VHLSS 2016 và 2018, đồng thời là những hộ trả lời có vay vốn TDVM chính thức trong cả 2 năm (2016 và 2018). Nhóm so sánh là những HN, HCN được điều tra trong VHLSS 2016 và 2018, có vay vốn TDVM chính thức trong năm 2016, nhưng không vay vốn TDVM chính thức trong năm 2018.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích sự khác biệt về thu nhập bình quân giữa nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo vay và không vay TDVM chính thức (Mô hình 1)

Kết quả ước lượng (Bảng 1) cho thấy, sự khác biệt giữa thu nhập của nhóm

HN, HCN vay vốn TDVM và nhóm hộ không vay TDVM ở mức ý nghĩa 1%. Hệ số hồi quy (Coefficient) là -0.004, có nghĩa là HN, HCN vay vốn TDVM có thu nhập thấp hơn HN, HCN không vay vốn TDVM là 0,4%. Ngoài các biến số này ra, một số biến số có ảnh hưởng tích cực tới Thu nhập bình quân của HN, HCN, như: Giới tính; Dân tộc; Khu vực; Trình độ học vấn; Tổng tài sản. Điều này có nghĩa là: Chủ HN, HCN là nam giới có thu nhập bình quân cao hơn chủ hộ là nữ giới; Chủ HN, HCN là dân tộc Kinh có thu nhập bình quân cao hơn chủ hộ là DTTS; Chủ HN, HCN không có chuyên môn kỹ thuật có thu nhập bình quân thấp hơn chủ HN, HCN có trình độ chuyên môn kỹ thuật (trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng trở lên); HN, HCN ở khu vực thành thị có thu nhập bình quân cao hơn HN, HCN ở khu vực nông thôn; HN, HCN có giá trị tài sản càng lớn, thì thu nhập bình quân càng lớn.

Một số biến số có ảnh hưởng tiêu cực tới thu nhập bình quân của HN, HCN như biến số quy mô hộ, tỷ lệ phụ thuộc, có nghĩa rằng: HN, HCN có quy mô hộ càng lớn, thì thu nhập bình quân hộ càng giảm; HN, HCN có tỷ lệ phụ thuộc càng lớn thì thu nhập bình quân hộ càng giảm.

Phân tích ảnh hưởng của quy mô khoản vay, mục đích vay lãi suất vay đến thu nhập bình quân HN, HCN tiếp cận TDVM chính thức (Mô hình 2)

Kết quả ước lượng Mô hình 2 cho thấy:

Quy mô vốn vay: Hệ số hồi quy mang dấu dương với giá trị là 0,013, có nghĩa là Quy mô vốn vay tương quan thuận với Thu nhập bình quân. Nếu Quy mô vốn vay tăng thêm 1%, thì Thu nhập của hộ sẽ tăng lên 0,013%. Điều này đúng với thực tiễn, khi quy mô vốn vay được mở rộng giúp HN, HCN có nhiều cơ hội tạo dựng việc làm tạo ra nguồn thu nhập cho hộ.

Mục đích vay vốn: Sử dụng biến Vay với mục đích nông nghiệp là hệ số tham chiếu, kết quả cho thấy, hệ số mang dấu dương với giá trị là 0,027. Điều này có nghĩa là những HN, HCN vay TDVM với mục đích phi nông nghiệp có thu nhập cao hơn HN, HCN vay với mục đích phi nông nghiệp là 2,7%.

Lãi suất vay: Lãi suất vay bình quân có mối quan hệ trái chiều với Thu nhập bình quân (-) với hệ số hồi quy là -0.001, có nghĩa là trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi Lãi suất tăng 1 đơn vị, thì Thu nhập của HN, HCN vay vốn TDVM giảm đi 0,1%.

BẢNG 1: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG MÔ HÌNH 1

Biến phụ thuộc: logarit (thu nhập bq)	Diễn giải biến số	Mô hình 1. Mô hình khác biệt giữa nhóm HN, HCN vay và không vay TDVM chính thức	
		Hệ số hồi quy	Giá trị P (P-value)
Ho vay von	Hộ vay vốn (1-có vay, 0-không vay)	-0,004***	0,000
Tuoi	Tuổi chủ hộ	0,000***	0,000
Gioi tinh	Giới tính chủ hộ (1-nam, 0 -nữ)	0,009***	0,000
Dan toc	Dân tộc của chủ hộ (1-kinh, 0-dtts)	0,073***	0,000
Khu_vuc	Khu vực (1-thành thị, 0-nông thôn)	0,188***	0,000
Trinh_do_hoc_van1	Không có CMKT	Tham chiếu	
Trinh_do_hoc_van2	Sơ cấp	0,044***	0,001
Trinh_do_hoc_van3	Trung cấp	0,019***	0,001
Trinh_do_hoc_van4	Cao đẳng trở lên	0,043***	0,002
Quy_mo_ho	Quy mô hộ	-0,032***	0,000
Tong_tai_san	Giá trị tài sản	0,063***	0,000
Ty_le_phu_thuoc	Tỷ lệ phụ thuộc	-0,003***	0,000

Ghi chú: *, **, *** là mức ý nghĩa tương ứng với 10%, 5% và 1%

BẢNG 2: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG MÔ HÌNH 2

Biến phụ thuộc: logarit (thu nhập bq)	Diễn giải biến số	Mô hình 2. HN, HCN tiếp cận TDVM chính thức	
		Hệ số hồi quy	Giá trị P (P-value)
Logarit(quy_mo_von_vay)	Logarit(quy mô vốn vay)	0,013***	0,000
Lai_suat_bq	Lãi suất bình quân	-0,001***	0,000
Muc_dich_vay1	Vay nông nghiệp	Tham chiếu	
Muc_dich_vay2	Vay phi nông nghiệp	0,027***	0,001
Muc_dich_vay3	Vay khác	0,009***	0,000
Tuoi	Tuổi chủ hộ	0,001***	0,000
Gioi tinh	Giới tính chủ hộ (1-nam, 0 -nữ)	0,018***	0,001
Dan toc	Dân tộc của chủ hộ (1-Kinh, 0-DTTS)	0,043***	0,000
Khu_vuc	Khu vực (1-thành thị, 0-nông thôn)	0,235***	0,000
Trinh_do_hoc_van1	Không có CMKT	Tham chiếu	
Trinh_do_hoc_van2	Sơ cấp	0,093***	0,002
Trinh_do_hoc_van3	Trung cấp	-0,005***	0,002
Trinh_do_hoc_van4	Cao đẳng trở lên	0,026***	0,003
Quy_mo_ho	Quy mô hộ	-0,028***	0,000
Tong_tai_san	Giá trị tài sản	0,054***	
Ty_le_phu_thuoc	Tỷ lệ phụ thuộc	-0,037***	0,001

Ghi chú: *, **, *** là mức ý nghĩa tương ứng với 10%, 5% và 1%

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Bên cạnh đó các biến có mối quan hệ cùng chiều với Thu nhập bình quân gồm: Tuổi của chủ hộ; Giới tính chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Trình độ học vấn của chủ hộ; Khu vực sinh sống. Trong khi đó, biến Quy mô hộ và Tỷ lệ phụ thuộc có quan hệ ngược chiều với Thu nhập bình quân. Điều này hàm ý rằng, khi Quy mô hộ tăng lên và Số người sống phụ thuộc tăng, thì Thu nhập bình quân của hộ giảm và càng thấp.

Tác động của TDVM chính thức đến thu nhập bình quân đầu người

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận DID cho kết quả ước lượng sự khác biệt về thu nhập bình quân giữa 2 nhóm HN, HCN tham gia và không tham gia chương trình TDVM chính thức được thể hiện trong Bảng 3. Tác động chung của việc tham gia vào chương trình TDVM chính thức của những HN, HCN làm thu nhập bình quân hộ tăng 0,021% (bằng 0,252-0,231) so với những HN, HCN không tham gia vào chương trình TDVM chính thức. Như vậy, TDVM chính thức góp

BẢNG 3: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG TÁC ĐỘNG DID

Variable(s)	Coeff	Std. Err.	t	P> t
Tuoi	0,002	0,000	65,225	0,000
gioi tinh	-0,041	0,001	-43,058	0,000
Khu vuc	0,195	0,001	143,897	0,000
Dan toc	0,204	0,001	249,002	0,000
Trinh do hoc van2	0,344	0,004	83,968	0,000
Trinh do hoc van3	0,453	0,005	96,581	0,000
Trinh do hoc van4	0,659	0,006	116,169	0,000
Quy mo ho	-0,059	0,000	-244,301	0,000
Ty le phu thuc	-0,161	0,002	-100,381	0,000
Tong tai san	0,129	0,000	369,296	0,000
Outcome var.	lninc	Std. Err.	t	P> t
Before				
Control	-459,910			
Treated	-459,680			
Diff(T-C)	0,231	0,000	531,56	0,000***
After				
Control	-503,419			
Treated	-503,166			
Diff(T-C)	0,252	0,001	388,19	0,000***
Diff-in-Diff	0,021	0,001	28,10	0,000***
R ² : 0,53				

Ghi chú: *, **, *** là mức ý nghĩa tương ứng với 10%, 5% và 1%

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

phần làm gia tăng thu nhập cho HN, HCN, kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước như [7, 9, 14].

KẾT LUẬN

Người nghèo là những đối tượng dễ bị tổn thương trước các cú sốc của cuộc sống. Ổn định cuộc sống và gia tăng thu nhập cho các HN, HCN là một trong những giải pháp thiết thực giúp HN và HCN có thể thoát nghèo. Bằng phương pháp khác biệt trong khác biệt (DID) và dựa vào bộ số liệu VHSS 2016 và VHLSS 2018, nghiên cứu đã đánh giá tác động của TDVM chính thức đối với thu nhập bình quân của HN, HCN. Theo thời gian, tác động chung của việc vay vốn TDVM làm cho thu nhập bình quân của HN, HCN tăng 0,021%. Kết quả nghiên cứu này khá tương đồng với các nghiên cứu trước và một lần nữa khẳng định, TDVM chính thức tác động tích cực đến thu nhập bình quân đầu người của các HN, HCN. Như vậy, có thể nói TDVM có đóng góp cải thiện thu nhập cho HN, HCN và các chính sách hỗ trợ TDVM chính thức cho người nghèo là cần thiết. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UNDP, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2018). *Báo cáo nghèo đa chiều ở Việt Nam: giảm nghèo ở tất cả các chiều cạnh để đảm bảo cuộc sống có chất lượng cho mọi người*
2. Ngân hàng Thế giới (2007). *Việt Nam: Xây dựng chiến lược tổng thể để tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính vi mô (của người nghèo)*
3. Nguyễn Hồng Thu (2018). *Tác động của tín dụng vi mô đối với thu nhập của các hộ nghèo ở khu vực Đông Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
4. Phan Thị Nữ (2010). *Đánh giá tác động của tín dụng đối với giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Chương trình giảng dạy kinh tế Fullbright
5. Afrin S., Islam N., and Ahmed S.U. (2010). Microcredit and rural women entrepreneurship development in Bangladesh: a multivariate model, *Journal of Business and Management*, 16(1)
6. Banerjee, Abhijit V., Esther Duflo, Rachel Glennester, and Cynthia Kinnan (2015). The Miracle of Microfinance? Evidence from a Randomized Evaluation, *American Economic Journal: Applied Economics*, 7(1), 22-53
7. Brown G. (2010). *When Small is Big*, Microcredit and Economic Development, November 2010
8. Chowdhury, M. J. A. (2000). *Microcredit, Enhancement of Entitlement and Alleviation of Poverty: An Investigation into the Grameen Bank's Role in Bangladesh*, Unpublished Ph.D. Dissertation, Department of Economics, University of Stirling, UK
9. Hulme, David, and Paul Mosley (1996). *Finance Against Poverty*, Routledge, London
10. Ledgerwood J., (2013). *The New Microfinance Handbook: A Financial Market System Perspective*, Number 12272 in World Bank Publications (The World Bank, Washington, DC)
11. Quach Manh Hao (2005). *Access to Finance and Poverty Reduction: An Application to Rural Vietnam*, Ph.D thesis, Unviversity of Birmingham
12. Rukiye Yayla (2012). *Effects of Microcredit Programs on Income Levels of Participant Members: Evidence From Eskisehir, Turkey*, A Thesis Submitted to The Graduate School of Social Sciences of Middle East Technical University
13. Shaw J. (2004). Microenterprise occupation and poverty reduction in microfinance programs: Evidence from Sri Lanka, *World Development*, 32(7)
14. Shuca, Park. A., and Wang. S. (2017). *Microfinance can raise incomes: Evidence from a Randomized Control Trial in China*, Mimeo, Hong Kong University of Science and Technology